

Số: 31/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN BẢN

Số: 238

Ngày 20 tháng 3 năm 2010

Kính chuyển:

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Pháp lệnh số 04/2008/UBTVQH 12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản là những hành vi của tổ chức, cá nhân cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

3. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định về bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- b) Vi phạm các quy định về khai thác thủy sản và quản lý tàu cá;
- c) Vi phạm các quy định về nuôi trồng thủy sản; sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản;
- d) Vi phạm các quy định về thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến, kinh doanh thủy sản;

đ) Vi phạm các quy định về các ngành nghề dịch vụ thủy sản;

e) Cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản.

4. Việc xử phạt hành vi xâm phạm vùng biển của Việt Nam để hoạt động thủy sản áp dụng theo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Việc xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản; kiểm dịch thủy sản; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong hoạt động thủy sản; hành nghề dịch vụ thú y thủy sản được áp dụng theo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

6. Việc xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản chưa quy định tại Nghị định này được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

7. Việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng thủy sản được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng.

8. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chất lượng sản phẩm hàng hoá; ghi nhãn hàng hoá thủy sản chưa quy định tại Nghị định này được thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hoá.

9. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm các quy định về giao thông đường thủy nội địa, hàng hải thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, hàng hải.

10. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thủy sản nếu chưa quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản tại Việt Nam đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính

Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản được áp dụng theo Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính 2002 và Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Điều 6 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện. Đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản liên quan đến bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, xuất, nhập khẩu hàng hoá thủy sản thì thời hiệu xử phạt là hai năm kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Nếu quá thời hiệu nói trên mà vi phạm hành chính mới bị phát hiện thì không tiến hành xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

2. Cách tính thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản nếu sau một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Ngoài hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sống của các loài thủy sản do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá thủy sản, tàu cá;

d) Buộc tiêu huỷ thủy sản khai thác bằng hoá chất độc, thực vật có độc tố; sản phẩm thủy sản không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; sản phẩm thủy sản gây hại đến sức khoẻ con người; các loài thủy sản biến đổi gen không cho phép nhập khẩu; thức ăn nuôi thủy sản có thành phần bị cấm, không đảm bảo chất lượng, quá hạn sử dụng, bị cấm sử dụng hoặc không có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam; ngư cụ, công cụ khai thác thủy sản bị cấm sử dụng; giấy tờ giả, giấy tờ bị xoá, sửa chữa; giống thủy sản không có tên trong danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh; hoá chất, chất bảo quản bị cấm để bảo quản sản phẩm thủy sản; các sản phẩm thủy sản không có giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc theo quy định; ngư cụ, trang thiết bị khai thác thủy sản không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật; thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản quá hạn sử dụng;

đ) Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hoá thuỷ sản không đảm bảo chất lượng như đã công bố;

e) Các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu mọi chi phí theo quy định của pháp luật cho việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả nói trên.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục 1

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 8. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của các loài thuỷ sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phá dỡ hoặc xây dựng các công trình nổi, công trình ngầm ở các vùng nước làm thay đổi nơi cư trú, sinh trưởng, sinh sản của các loài thuỷ sản mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc không theo đúng quy định ghi trong giấy phép;

b) Khai thác, huỷ hoại trái phép các rạn đá ngầm, san hô hoặc rạn san hô, các thảm thực vật ngầm, rừng ngập mặn và hệ sinh cảnh khác, trừ hành vi neo đậu tàu cá trong trường hợp bất khả kháng;

c) Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép san hô;

d) Phá huỷ, cản trở trái phép đường di chuyển tự nhiên của các loài thuỷ sản.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (trừ tàu cá và thiết bị an toàn hàng hải) đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thuỷ sản 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về bảo vệ các loài thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi khai thác thủy sản nếu khối lượng các loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn kích thước cho phép khai thác vượt quá mức cho phép khai thác lần như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng nếu khối lượng vượt quá mức cho phép khai thác lần dưới 100 kg;

b) Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu khối lượng vượt quá mức cho phép khai thác lần từ 100 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu khối lượng vượt quá mức cho phép khai thác lần từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu khối lượng vượt quá mức cho phép khai thác lần trên 1.000 kg.

2. Mức phạt đối với hành vi khai thác thủy sản tại khu vực cấm khai thác hoặc trong thời gian cấm khai thác như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 10 kg;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 10 kg đến dưới 100 kg hoặc khối lượng thủy sản dưới 10 kg nhưng tái phạm từ lần thứ hai trở lên;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 500 kg;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản trên 1.000 kg.

3. Mức phạt đối với hành vi khai thác các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 20 kg;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 300 kg;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 300 kg đến dưới 500 kg;

e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản trên 500 kg.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số thủy sản đã khai thác trái phép đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (trừ tàu cá, thiết bị an toàn hàng hải) và tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về quản lý thủy sinh vật ngoại lai

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thả các loài thủy sinh vật ngoại lai xâm hại vào vùng nước tự nhiên.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thả thủy sinh vật ngoại lai xâm hại vào các vùng nước thuộc khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

Tịch thu tang vật và buộc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý thủy sinh vật ngoại lai đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm các quy định về quản lý các loài thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần bảo vệ, bảo tồn và phát triển theo quy định của Công ước CITES và các loài thuộc danh mục bảo vệ của Sách đỏ

1. Phạt 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nếu có một trong các hành vi khai thác, mua bán, thu gom, sơ chế, chế biến các loài có nguy cơ tuyệt chủng ngoài thiên nhiên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số thủy sản đã khai thác trái phép đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật vi phạm, phương tiện vi phạm (trừ tàu cá, thiết bị an toàn hàng hải) và tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản 06 tháng đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Tịch thu tang vật, tàu cá và tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản hoặc chứng chỉ hành nghề với trường hợp tái phạm hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC THỦY SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀU CÁ

Điều 12. Vi phạm quy định về khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có sổ nhật ký khai thác, không ghi nhật ký khai thác thủy sản hoặc không thực hiện chế độ báo cáo khai thác thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Không đánh dấu ngư cụ đang được sử dụng tại ngư trường theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng đèn chiếu sáng để khai thác thủy sản mà tổng công suất đèn vượt quá quy định hoặc khoảng cách giữa các điểm đặt các cụm đèn chiếu sáng so với các ngư cụ khác không đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Sử dụng lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để khai thác thủy sản;

c) Vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Sử dụng công cụ kích điện mang theo người để khai thác thủy sản tại các vùng nước tự nhiên.

3. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy phép khai thác thủy sản đã quá hạn vào hoạt động khai thác thủy sản như sau:

a) Cảnh cáo đối với trường hợp giấy phép khai thác thủy sản đã hết thời hạn nhưng không quá 30 ngày;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy phép khai thác thủy sản quá hạn từ 30 ngày trở lên nếu tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy phép khai thác thủy sản quá hạn từ 30 ngày trở lên nếu tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá có lắp máy mà tổng công suất từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy phép khai thác thủy sản quá hạn từ 30 ngày trở lên nếu tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

đ) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy phép khai thác thủy sản quá hạn từ 30 ngày trở lên nếu tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên.

4. Mức phạt đối với hành vi hoạt động sai nội dung ghi trong giấy phép khai thác thủy sản về nghề khai thác, vùng khai thác, tuyên khai thác như sau:

a) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá có lắp máy mà tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên;

đ) Đối với tàu lưới kéo (giã cào) hoạt động sai vùng, tuyên khai thác ghi trong giấy phép khai thác thì áp dụng mức phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền tối đa của khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều này tương ứng với tổng công suất máy chính của tàu cá vi phạm.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng, tàng trữ trái phép trên tàu cá hoá chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản;

b) Sử dụng các loại công cụ khai thác thủy sản bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép để thu hoạch thủy sản nuôi trồng.

6. Mức phạt đối với hành vi tàng trữ, sử dụng kích điện hoặc sử dụng trực tiếp điện từ máy phát điện trên tàu cá để khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa hoặc tàu cá không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 m;

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá có lắp máy mà tổng công suất từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên.

7. Mức phạt đối với hành vi sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản; hành vi tàng trữ trái phép chất nổ, kíp nổ, dây cháy chậm trên tàu cá như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép chất nổ, kíp nổ, dây cháy chậm trên tàu cá;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản.

8. Mức phạt đối với hành vi khai thác thủy sản bằng tàu cá bắt buộc phải có giấy phép khai thác thủy sản (có trọng tải từ 0,5 tấn trở lên) mà không có giấy phép khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá có lắp máy mà tổng công suất từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên.

9. Mức phạt đối với hành vi sử dụng các giấy phép khai thác thủy sản được làm giả, bị tẩy xóa, sửa chữa như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá có lắp máy mà tổng công suất từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số bóng đèn tương ứng công suất vượt quá mức quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu bộ phận lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Tịch thu ngư cụ, công cụ khai thác bị cấm sử dụng đối với hành vi quy định tại điểm c, điểm d khoản 2; điểm b khoản 5 và khoản 6 Điều này;

Tịch thu tàu cá trong trường hợp sử dụng chất độc, chất nổ để khai thác thủy sản quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều này;

Tịch thu tàu cá trong trường hợp tái phạm sử dụng kích điện hoặc sử dụng trực tiếp điện từ máy phát điện trên tàu cá để khai thác thủy sản quy định tại điểm khoản 6 Điều này;

d) Tịch thu giấy phép giả, giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi quy định tại khoản 9 Điều này;

đ) Tịch thu chất nổ, kíp nổ, dây cháy chậm tàng trữ trên tàu cá đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

e) Tịch thu thủy sản đã khai thác đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2, khoản 6, điểm b khoản 7 Điều này;

g) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thuỷ sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu huỷ thuỷ sản đã khai thác và các loại hoá chất độc, thực vật có độc tố đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc tiêu huỷ ngư cụ, công cụ khai thác bị cấm sử dụng đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2, điểm b khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này;

c) Buộc tiêu huỷ giấy phép giả, giấy phép bị tẩy xoá, sửa chữa đối với hành vi quy định tại khoản 9 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về quản lý tàu cá

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Thuyền viên và người làm việc trên tàu cá không mang theo người số thuyền viên hoặc giấy tờ tùy thân khác theo quy định của pháp luật;

b) Không viết số đăng ký tàu cá đã được cấp hoặc viết số đăng ký trên tàu cá không đúng quy định hoặc để số đăng ký mờ;

c) Không có sổ danh bạ thuyền viên đối với loại tàu quy định phải có sổ danh bạ thuyền viên;

d) Không mang theo bản chính hoặc bản sao có công chứng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (hoặc giấy xác nhận đăng ký tàu cá) khi tàu cá đang hoạt động.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng trang thiết bị cứu sinh chưa được cơ quan có thẩm quyền đăng kiểm;

b) Tàu cá bốc dỡ thuỷ sản không đúng bến cá, cảng cá theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đánh dấu nhận biết tàu cá phù hợp tuyên biển được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá không có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, văn bằng hoặc chứng chỉ máy trưởng tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ các trang thiết bị về bảo đảm an toàn cho người và phương tiện theo quy định của pháp luật.

4. Mức phạt đối với hành vi sử dụng tàu cá mà giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá đã quá hạn sử dụng như sau:

a) Phạt tiền 500.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế dưới 15 mét mà không lắp máy hoặc có lắp máy mà tổng công suất máy chính dưới 20 sức ngựa;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài đường nước thiết kế từ 15 mét trở lên mà không lắp máy hoặc tàu cá lắp máy có tổng công suất từ 20 sức ngựa trở lên đến dưới 90 sức ngựa;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 90 đến dưới 250 sức ngựa;

d) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 250 sức ngựa trở lên.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký, đăng kiểm lại đối với tàu cá thuộc diện phải đăng kiểm sau khi đã cải hoán, thay máy chính;

b) Chủ tàu cá khai thác thủy sản xa bờ không mua bảo hiểm cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu cá;

c) Không đăng ký, đăng kiểm bè cá hoặc bè nuôi trồng thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tàu cá chưa đăng ký, đăng kiểm theo quy định của pháp luật để hoạt động thủy sản;

b) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng; văn bằng, chứng chỉ máy trưởng tàu cá được làm giả để lái tàu, vận hành máy tàu cá;

c) Sử dụng giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm tàu cá được làm giả hoặc bị tẩy xóa, sửa chữa.

7. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ tàu cá khi đóng mới hoặc cải hoán tàu cá đối với loại tàu cá thuộc diện đăng kiểm có một trong các hành vi sau đây:

a) Không được cơ quan có thẩm cấp văn bản chấp thuận đóng mới hoặc cải hoán tàu cá;

b) Không có hồ sơ thiết kế phù hợp với quy định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đóng tàu cá khác với văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá;

c) Không neo đậu tàu cá đúng địa điểm quy định hoặc không chấp hành hướng dẫn neo đậu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tránh trú bão.

8. Phạt tiền 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu tàu cá khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các loại giấy tờ giả, giấy tờ bị xoá, sửa chữa đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 6 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy các loại giấy tờ giả, giấy tờ bị xoá, sửa chữa đối với hành vi quy định tại các điểm b và c khoản 6 Điều này;

b) Buộc tái xuất tàu cá trong trường hợp tàu cá đã nhập khẩu vào Việt Nam không đáp ứng các quy định về an toàn kỹ thuật hàng hải theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều này.

Mục 3

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NUÔI THỦY SẢN

Điều 14. Vi phạm các quy định trong lĩnh vực giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng các loại thức ăn dùng trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản đã quá hạn sử dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại thức ăn dùng trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản không có tên trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản các loại thức ăn có hóa chất, kháng sinh bị cấm sử dụng, cấm lưu hành tại Việt Nam theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc không rõ nguồn gốc xuất xứ.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi xây dựng cơ sở sản xuất giống thủy sản không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, kinh doanh, vận chuyển giống thủy sản hoặc thả ra môi trường tự nhiên các loài thủy sản không có tên trong danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy các loại thức ăn dùng trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản quá hạn sử dụng hoặc thuộc danh mục cấm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều này;

b) Buộc cơ sở sản xuất phải thực hiện quy định của pháp luật về khảo nghiệm giống mới; buộc thả giống thủy sản quý hiếm cần bảo tồn trở lại môi trường sống của chúng, buộc tiêu hủy sinh vật lạ gây hại đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Buộc tháo dỡ cơ sở sản xuất giống đối với hành vi xây dựng cơ sở sản xuất giống thủy sản không theo quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều này; buộc thực hiện việc các quy định của pháp luật về cấp phép xây dựng cơ sở sản xuất giống thủy sản đối với hành vi xây dựng cơ sở sản xuất giống khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 15. Vi phạm các quy định về nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản có một trong các hành vi sau đây:

a) Không đảm bảo điều kiện nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng các loại thức ăn nuôi thủy sản có chứa chất thuộc danh mục hạn chế sử dụng mà không theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Sử dụng các loại thức ăn nuôi thủy sản đã quá hạn sử dụng;

d) Không thực hiện quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm soát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng các loại thức ăn nuôi thủy sản không có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc có chứa chất bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nuôi trồng giống, các loài thủy sản đang trong giai đoạn khảo nghiệm mà không theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trừ cơ sở quy mô nhỏ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nuôi trồng giống, các loài thủy sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng hoặc không có tên trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này;

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy các loại thức ăn nuôi thủy sản quá hạn sử dụng, bị cấm sử dụng hoặc không có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại điểm b và c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ cơ sở nuôi trồng thủy sản đối với hành vi xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; buộc thực hiện việc các quy định của pháp luật về cấp phép xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản đối với hành vi xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 16. Vi phạm các quy định về giao mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng vượt quá hạn mức diện tích mặt nước biển được giao để nuôi trồng thủy sản.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản mà không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kế hoạch bảo vệ môi trường theo cam kết;

c) Chuyển mục đích sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản đã được giao mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc di chuyển vị trí lồng bè nuôi thủy sản, các phương tiện phân định gianh giới (nếu có) để trả lại diện tích mặt nước biển sử dụng vượt quá hạn mức đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc tháo dỡ lồng bè nuôi thủy sản, các phương tiện phân định gianh giới (nếu có) đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 17. Vi phạm các quy định về thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đầy đủ kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng vượt quá hạn mức diện tích mặt nước biển được thuê để nuôi trồng thủy sản.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản mà không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kế hoạch bảo vệ môi trường theo cam kết;

c) Chuyển mục đích sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản đã được thuê mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc di chuyển lồng bè nuôi thủy sản, các phương tiện phân định gianh giới (nếu có) để trả lại diện tích mặt nước biển sử dụng vượt quá hạn mức đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc tháo dỡ lồng bè nuôi thủy sản, các phương tiện phân định gianh giới (nếu có) đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Mục 4

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHẾ BIẾN, KINH DOANH, THU GOM, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN THỦY SẢN

Điều 18. Vi phạm các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với tàu cá và tàu chế biến thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi không đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên tàu cá và tàu chế biến thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tàu cá có công suất từ 50 mã lực đến dưới 90 mã lực;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu cá có công suất từ 90 mã lực trở lên;

c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tàu chế biến thủy sản.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy chứng nhận tàu cá hoặc tàu chế biến thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên tàu cá hoặc tàu chế biến thủy sản quá hạn như sau:

a) Cảnh cáo đối với trường hợp giấy chứng nhận tàu cá hoặc tàu chế biến thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã quá hạn nhưng không quá 30 ngày;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trường hợp giấy chứng nhận tàu cá hoặc tàu chế biến thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã quá hạn từ 30 ngày trở lên.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng trên tàu cá, tàu chế biến thủy sản hoá chất, chất bảo quản bị cấm để bảo quản sản phẩm thủy sản.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận tàu cá hoặc tàu chế biến thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu, buộc tiêu huỷ sản phẩm thủy sản và hoá chất, phụ gia đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thủy sản

1. Mức phạt đối với cơ sở không đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với sản phẩm thủy sản không có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ hàng hóa;

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với trường hợp không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

2. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm quá hạn như sau:

a) Cảnh cáo đối với trường hợp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã quá hạn nhưng không quá 30 ngày;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trường hợp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã quá hạn từ 30 ngày trở lên.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh các loài thủy sản được khai thác trong thời gian cấm khai thác trên phạm vi toàn quốc hoặc được khai thác bằng chất nổ, chất độc, xung điện;

b) Thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh thủy sản có xuất xứ từ vùng cấm thu hoạch.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sau:

a) Thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển các loại nguyên liệu thủy sản nhập khẩu không có giấy tờ nhập khẩu theo quy định và các loài thủy sản biến đổi gen không cho phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản và buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 (trừ thủy sản khai thác bằng chất độc) và điểm a khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu nguyên liệu thủy sản nhập khẩu và các loài thủy sản biến đổi gen không cho phép nhập khẩu đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 trong trường hợp thủy sản khai thác bằng chất độc và các loài thủy sản biến đổi gen không cho phép nhập khẩu quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện các thủ tục nhập khẩu hoặc tái xuất nguyên liệu thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về chế biến thủy sản

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với cơ sở chế biến thủy sản vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Cơ sở không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;

b) Sử dụng nguyên liệu thủy sản không có giấy chứng nhận xuất xứ nguồn gốc theo quy định.

2. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm quá hạn như sau:

a) Phạt cảnh cáo đối với trường hợp sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã hết hạn nhưng không quá 30 ngày;

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đã quá hạn từ 30 ngày trở lên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với các cơ sở chế biến thủy sản có một trong các hành vi sau đây:

a) Chế biến các loài thủy sản có nguồn gốc trong nước được khai thác trong thời gian cấm khai thác;

b) Sử dụng các loại phụ gia, hoá chất bị cấm sử dụng, không được phép lưu hành ở Việt Nam hoặc sử dụng không đúng quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở chế biến thủy sản theo phương thức công nghiệp có một trong các hành vi sau đây:

a) Không có cán bộ kỹ thuật hoặc nhân viên kỹ thuật có trình độ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đưa vào chế biến nguyên liệu thủy sản, bán thành phẩm thủy sản không được phép nhập khẩu.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chế biến các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng cơ sở chế biến thủy sản mới hoặc mở rộng cơ sở chế biến thủy sản cũ không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Chế biến thủy sản có xuất xứ ở vùng cấm thu hoạch hoặc trong thời gian cấm thu hoạch.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 3; điểm b khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu, buộc thả về môi trường tự nhiên (nếu thủy sản còn sống) đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3; điểm b khoản 6 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh từ 6 tháng đến 12 tháng trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này;

d) Tịch thu thủy sản cấm khai thác đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu huỷ thủy sản và sản phẩm thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 3; điểm b khoản 4 Điều này;

b) Buộc tái xuất đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc tháo dỡ cơ sở chế biến thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 21. Xử lý vi phạm đối với hành vi liên quan đến thủy sản có tạp chất

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với người có hành vi trực tiếp đưa tạp chất vào thủy sản.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ hàng có hành vi vận chuyển hoặc thuê người khác vận chuyển thủy sản có tạp chất, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu gom, sơ chế, bảo quản, chế biến, kinh doanh thủy sản có tạp chất do được tiêm chích.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thuê, mượn người khác đưa tạp chất vào thủy sản hoặc có hành vi tổ chức đưa tạp chất vào thủy sản.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu lô hàng thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu lô hàng thủy sản là tang vật và phương tiện, dụng cụ để đưa tạp chất vào thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở thu gom, bảo quản, chế biến thủy sản từ 6 tháng đến 12 tháng trong trường hợp cơ sở vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Xử lý loại bỏ tạp chất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với lô hàng thủy sản có tạp chất, nhưng không thuộc diện phải tiêu hủy;

b) Buộc tiêu hủy lô hàng thủy sản có tạp chất gây nguy hại đến sức khỏe con người, tạp chất không rõ thành phần.

Điều 22. Xử lý vi phạm đối với hành vi liên quan đến thủy sản có độc tố tự nhiên

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý khai thác loài thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hại đến sức khỏe con người bị cấm theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ hàng có hành vi vận chuyển hoặc thuê người khác vận chuyển thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hại đến sức khỏe con người, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu gom, sơ chế, bảo quản, chế biến, kinh doanh thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hại đến sức khỏe con người, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu lô hàng thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu lô hàng thủy sản và tang vật dùng để khai thác thủy sản có độc tố tự nhiên (trừ tàu cá và thiết bị an toàn hàng hải) đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở thu gom, bảo quản, chế biến thủy sản từ 6 tháng đến 12 tháng trong trường hợp cơ sở vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy lô hàng thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hại đến sức khỏe con người.

Mục 5

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH NGHỀ DỊCH VỤ THỦY SẢN

Điều 23. Vi phạm quy định về sản xuất thức ăn nuôi thủy sản

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cơ sở có hành vi sản xuất thức ăn nuôi thủy sản mà không có nhân viên kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Không đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất thức ăn nuôi thủy sản.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản bị cấm sử dụng, không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản có thành phần là chất bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản có thành phần chỉ tiêu chất lượng dưới mức công bố.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thức ăn nuôi thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng trong trường hợp tái phạm hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy thức ăn nuôi thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi để tái chế hoặc thay đổi mục đích sử dụng của sản phẩm đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về kinh doanh, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chủ hàng có hành vi vận chuyển hoặc thuê người khác vận chuyển thức ăn nuôi thủy sản bị cấm sử dụng, không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Kinh doanh, tàng trữ, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản không rõ nguồn gốc xuất xứ;

c) Không đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất thức ăn nuôi thủy sản.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh, tàng trữ, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản bị cấm sử dụng, không có trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Kinh doanh, tàng trữ, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản có thành phần là chất bị cấm sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Kinh doanh, tàng trữ, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản đã quá hạn sử dụng.

3. Phạt tiền 40.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, nhập khẩu thức ăn nuôi thủy sản có chất lượng dưới mức công bố.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thức ăn nuôi thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh 06 tháng trong trường hợp tái phạm hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy thức ăn nuôi thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm các quy định về sản xuất, kinh doanh trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh các trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản chưa được đăng kiểm.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản quá hạn sử dụng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đăng kiểm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 26. Vi phạm các quy định hoạt động cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vứt, đổ rác hoặc các đồ vật khác từ tàu cá xuống vùng nước đậu tàu hoặc cầu cảng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cảng cá không có các trang thiết bị cứu sinh, cứu hoả; không có giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá.

Điều 27. Vi phạm các quy định về điều kiện kinh doanh đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cơ sở đóng mới hoặc cải hoán tàu cá có một trong các hành vi sau đây:

a) Địa điểm xây dựng cơ sở không theo quy hoạch hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Nhà xưởng, trang thiết bị không phù hợp yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Không có nhân viên kỹ thuật hoặc kỹ sư chuyên ngành theo quy định của pháp luật về điều kiện sản xuất kinh doanh ngành nghề đóng mới, cải hoán tàu cá;

d) Đóng mới, cải hoán tàu cá mà chủ tàu cá chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hình phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá đối với hành vi xây dựng cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá không theo quy hoạch quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; buộc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hành vi quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này.

Điều 28. Vi phạm các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh ngư cụ và trang thiết bị khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với cơ sở có một trong các hành vi sau đây:

a) Cơ sở vật chất kỹ thuật không bảo đảm tiêu chuẩn bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở sản xuất không có nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh trang thiết bị khai thác thủy sản đối với loại trang thiết bị buộc phải đăng kiểm mà chưa được đăng kiểm;

b) Sản xuất, kinh doanh các loại ngư cụ, trang thiết bị khai thác thủy sản không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu huỷ tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 6

CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN

Điều 29. Xử phạt hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thu thập số liệu đánh giá hiện trạng hoạt động các lĩnh vực thủy sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thủy sản.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cố ý trì hoãn hoặc trốn tránh không thi hành các quyết định hành chính của người, cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm đang bị niêm phong, tạm giữ hoặc tự ý làm thay đổi hiện trường vi phạm hành chính;

b) Tẩu tán, làm thay đổi, đánh tráo tang vật, phương tiện đang bị kiểm tra hoặc tạm giữ;

c) Lãng mạ, làm nhục người đang làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chứa chấp, tiêu thụ tang vật, phương tiện đang bị thanh tra, kiểm tra, tạm giữ bị tẩu tán;

b) Hành hung người thi hành công vụ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Thu hồi các tang vật, phương tiện bị tẩu tán đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VÀ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN

Điều 30. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 31. Trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc xử lý vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đang thi hành công vụ phải lập biên bản, đình chỉ ngay hành vi vi phạm, tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Chương VI của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính 2002. Trường hợp vụ việc vi phạm không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của mình thì phải kịp thời chuyển hồ sơ vụ việc vi phạm tới người có thẩm quyền xử phạt.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản phải xử phạt đúng thẩm quyền. Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính vắng mặt thì uỷ quyền cho cấp phó trực tiếp thực hiện việc xử phạt theo quy định tại Điều 41 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính 2002.

3. Nghiêm cấm hành vi bao che, cản trở việc xử phạt, giữ lại các vụ việc có dấu hiệu tội phạm để xử phạt vi phạm hành chính hoặc chia tách vụ việc vi phạm để giữ lại xử phạt cho phù hợp với thẩm quyền của cấp mình.

4. Các trường hợp đã ra quyết định xử phạt không đúng thẩm quyền, đối tượng vi phạm, hành vi vi phạm; áp dụng không đúng hình thức, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; xử phạt không đúng thời hiệu, thời hạn xử phạt thì tùy theo từng trường hợp cụ thể phải sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định không đúng pháp luật.

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thủy sản của cơ quan Thanh tra chuyên ngành thủy sản

1. Thanh tra viên chuyên ngành thủy sản đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 500.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 7 Nghị định này, trừ biện pháp buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Chánh Thanh tra Chi cục chuyên ngành thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép, chứng chỉ hành nghề thủy sản;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Tổng cục thủy sản, Chánh Thanh tra Cục chuyên ngành thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép, chứng chỉ hành nghề thủy sản;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép, chứng chỉ hành nghề thủy sản;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ, e khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến mức tối đa là 40.000.000 đồng được quy định tại Nghị định này;
- b) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn giấy phép, chứng chỉ hành nghề thủy sản;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thủy sản của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này ở địa phương gồm:

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này ở địa phương gồm:

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản, chứng chỉ hành nghề thủy sản;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, d khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này ở địa phương gồm:

- a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này là 40.000.000 đồng;
- b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản, chứng chỉ hành nghề thủy sản;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan khác

1. Người có thẩm quyền của các cơ quan khác: Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, Quản lý thị trường, Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc cảng vụ đường thủy nội địa quy định tại các Điều 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và các khoản 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 được quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị định này đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực ngành mình quản lý.

2. Tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên nằm trong vùng thủy nội địa hoặc khu bảo tồn biển có tổ chức lực lượng kiểm lâm thì kiểm lâm tại các đơn vị đó có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản xảy ra trong phạm vi vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên do kiểm lâm quản lý, bảo vệ. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng kiểm lâm theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

Điều 35. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

2. Các hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt đều phải lập thành hồ sơ và lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt trong thời hạn pháp luật quy định.

Việc lập biên bản, quyết định xử phạt phải tuân theo thủ tục quy định tại khoản 21, khoản 22, khoản 23 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

3. Việc phạt tiền và nộp tiền phạt phải tuân theo thủ tục quy định tại Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và khoản 24 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

4. Thủ tục tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực thủy sản thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

5. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản thực hiện theo quy định tại các Điều 60 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và khoản 25 Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Đối với tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu dễ gây cháy nổ như thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm, người có thẩm quyền xử phạt phải làm thủ tục chuyển giao nhanh nhất cho cơ quan công an hoặc quân sự địa phương để quản lý theo quy định của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; khi chuyển giao phải lập biên bản có chữ ký của người có thẩm quyền xử phạt và đại diện bên nhận, biên bản được lập thành ít nhất hai bản.

6. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không thể thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản gây ra hoặc bỏ trốn mà việc khắc phục hậu quả là thật cần thiết để kịp thời bảo vệ môi trường, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội thì cơ quan quản lý có thẩm quyền sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho cơ quan mình để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đó. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 36. Chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành

1. Trong trường hợp cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính ở một địa phương nhưng lại cư trú hoặc có trụ sở ở địa phương khác mà không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại nơi bị xử phạt, thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cùng cấp ở nơi cá nhân cư trú, nơi tổ chức có trụ sở để thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, nơi tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành. Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan ký quyết định xử lý vi phạm lưu giữ.

2. Cơ quan nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính chuyển đến có trách nhiệm giao quyết định xử phạt và tổ chức việc thi hành cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định tại Điều 64 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và thông báo kết quả cho cơ quan chuyển quyết định biết.

3. Việc chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính chỉ áp dụng để thu tiền nộp phạt. Các hình thức xử phạt bổ sung, các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) phải được thực hiện ngay tại nơi vi phạm. Trường hợp đối tượng không tự nguyện chấp hành hoặc không có điều kiện chấp hành các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có) thì các chi phí cho việc thực hiện đó được ghi rõ vào quyết định xử phạt để chuyển quyết định xử phạt.

Điều 37. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính

1. Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản có quyền tạm giữ giấy tờ có liên quan đến phương tiện, chứng chỉ chuyên môn cho đến khi cá nhân, tổ chức chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên, thì

người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về bến đậu hoặc trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật phương tiện theo thẩm quyền.

Trong trường hợp vi phạm mà theo Nghị định này quy định hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, Thanh tra chuyên ngành thủy sản được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về bến đậu hoặc trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật phương tiện theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 38. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che vi phạm, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời; xử phạt không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng bị xử phạt, không đúng hành vi vi phạm bị xử phạt; áp dụng không đúng hình thức, mức xử phạt và biện pháp khác; chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền bạc, hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm; làm cản trở lưu thông hàng hoá hợp pháp, gây thiệt hại cho người kinh doanh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính

Ban hành kèm theo Nghị định này các Phụ lục mẫu biên bản và quyết định để sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2010 và thay thế Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Nghị định số 154/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi Điều 17 Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

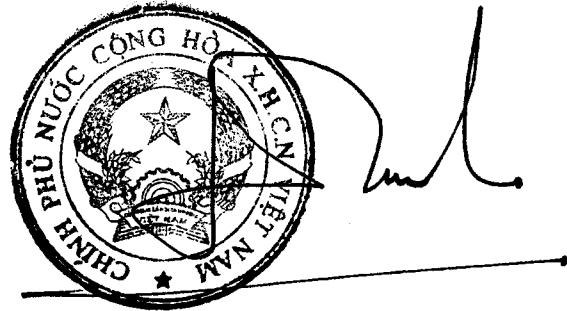
Điều 41. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). XH 290

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VPHC

.....⁽¹⁾....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Hôm nay, hồigiờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:.....⁽²⁾.....

Chúng tôi gồm:

- 1. Ông/bàChức vụ:
- 2. Ông/bàChức vụ:

Với sự chứng kiến của:

- 1. Ông (bà).....Nghề nghiệp:
- Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- 2. Ông (bà).....
- Nghề nghiệp:
- Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính

về.....⁽³⁾.....**đối với:**

- Tổ chức/cá nhân vi phạm.....
- Địa chỉ:⁽⁴⁾.....
- Nghề nghiệp:⁽⁵⁾.....
- Số CMND:⁽⁶⁾.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đã có những hành vi vi phạm hành chính như sau:

.....⁽⁷⁾.....

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.
² Ghi địa chỉ nơi xảy ra vi phạm.
³ Ghi theo nội dung vi phạm trong lĩnh vực thủy sản.
⁴ Ghi cụ thể địa chỉ của tổ chức/cá nhân vi phạm.
⁵ Đối với cá nhân vi phạm.
⁶ Đối với cá nhân vi phạm.
⁷ Mô tả hành vi vi phạm.

Người lập biên bản đã yêu cầu⁽⁸⁾.....

1. Đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

2. Các biện pháp ngăn chặn *(Nếu có)*

.....

.....

3.....⁽⁹⁾.....có mặt tại:.....

đúng.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....để giải quyết vụ việc vi phạm.

Biên bản gồm.....trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang và được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị như nhau, giao cho.....⁽¹⁰⁾.....01 bản, 01 bản cơ quan lập biên bản giữ.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến khác (nếu có):

Người vi phạm
(hoặc đại diện tổ chức vi phạm)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bị thiệt hại
(hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện của Chính quyền cơ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)

⁸ Tổ chức/cá nhân vi phạm.

⁹ Tổ chức/cá nhân vi phạm.

¹⁰ Tổ chức/cá nhân vi phạm.



Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-TG-TVPT⁽¹⁾, ngày.....tháng... năm.....

BIÊN BẢN

**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số.../...../ND-CP ngày .../.../.....của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sốngày.....tháng.....năm.....do.....⁽²⁾.....chức vụ.....ký;

Để có cơ sở xác minh thêm tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý/hoặc ngăn chặn ngay vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm: ⁽³⁾

1.....Chức vụ:.....

2.....Chức vụ:

Người vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức:.....⁽⁴⁾.....

Nghề nghiệp:Năm sinh.....

Địa chỉ:

Số CMND.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của:

Ông (bà):.....⁽⁵⁾.....

Địa chỉ:.....

Số CMND.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh

² Ghi rõ họ tên, chức vụ người ký quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

³ Họ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁴ Nếu là tổ chức thì ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁵ Họ tên người chứng kiến (nếu có). Nếu có đại diện chính quyền cơ sở phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC gồm:

Số thứ tự	Tên, nhãn hiệu, quy cách, xuất xứ tang vật, phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng tang vật, phương tiện ⁽⁶⁾	Ghi chú ⁽⁷⁾
.....

Ngoài những tang vật, phương tiện nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ cùng ngày được lập thành 02 bản. Một bản được giao cho cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm.

Biên bản này gồm..... trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản và cùng ký vào biên bản. Hoặc có ý kiến bổ sung khác như sau: ⁽⁸⁾

.....

Người vi phạm
(hoặc đại diện tổ chức vi phạm)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ra quyết định tạm giữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền cơ sở ⁽⁹⁾
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

⁷ Ghi rõ tang vật, phương tiện có niêm phong không, nếu có niêm phong thì phải có chữ ký của người vi phạm.

⁸ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản.

⁹ Trong trường hợp niêm phong tang vật mà người vi phạm vắng mặt thì phải có sự tham gia và chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở.



Phụ lục III

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-KPTVTĐV

... (1)..., ngày.....tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

**Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính
trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều 45, Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số.../...../ND-CP ngày.....tháng.....nămcủa
Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Hôm nay, hồigiờ, ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Chúng tôi gồm: (2)

1.....Chức vụ:

2.....Chức vụ:

Với sự chứng kiến của: (3)

1. Ông (bà).....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

2. Ông (bà).....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Tiến hành khám phương tiện vận tải, đồ vật là:.....(4).....

.....

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

³ Họ và tên người chứng kiến. Nếu không có chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải thì phải có 02 người chứng kiến.

⁴ Ghi rõ loại phương tiện vận tải, đồ vật, số biển kiểm soát (đối với phương tiện).

Vì có căn cứ cho rằng trong phương tiện vận tải, đồ vật này có cất giấu tang vật vi phạm hành chính.

Chủ phương tiện vận tải, đồ vật (hoặc người điều khiển phương tiện vận tải): ⁽⁵⁾

1. Ông/bà..... Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

2. Ông/bà..... Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Phạm vi khám:.....

Những tang vật vi phạm hành chính bị phát hiện gồm:

Số TT	Tên tang vật, phương tiện	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Ghi chú
.....
.....
.....

Việc khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính kết thúc hồi...giờ.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản này gồm.....trang, được người vi phạm, người chứng kiến, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau, chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải được giao một bản và một bản lưu hồ sơ.

Biên bản được đọc lại cho mọi người cùng nghe, đồng ý và cùng ký tên vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có) ⁽⁶⁾

**Chủ phương tiện vận tải, đồ vật
hoặc người điều khiển phương tiện**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người quyết định khám
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

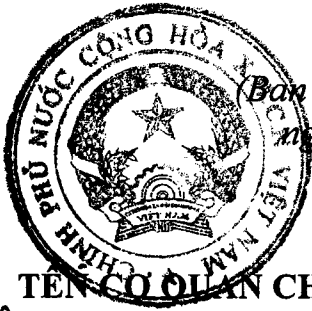
Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người chứng kiến
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tham gia khám
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁵ Ghi rõ họ tên chủ phương tiện vận tải, đồ vật hoặc người điều khiển phương tiện vận tải.

⁶ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình.



Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

... (1)..., ngày.....tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.....tháng..... năm của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính do...⁽²⁾.....

Lập hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Tôi:.....⁽³⁾.....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

Ông (bà)/tổ chức:.....⁽⁴⁾.....Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt chính:

- Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm.....khoản.... Điều....của Nghị định số .../2009/NĐ-CP. Mức phạt:.....đồng.

- Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm.....khoản.... Điều....của Nghị định số .../2009/NĐ-CP. Mức phạt:.....đồng.

- Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm.....khoản.... Điều....của Nghị định số .../2009/NĐ-CP. Mức phạt:.....đồng.

-

Tổng cộng tiền phạt là:.....đồng.

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Ghi họ, tên chức vụ người lập biên bản.

³ Ghi họ, tên người ra Quyết định xử phạt.

⁴ Nếu là tổ chức: ghi họ và tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):.....

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt trừ trường hợp được hoãn chấp hành vì.....⁽⁵⁾.....

Quá thời hạn nêu trên, nếu Ông (bà)/tổ chức..... có tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số..... của Kho bạc Nhà nước.....⁽⁶⁾..... trong vòng mười ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm.....⁽⁷⁾.....

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để thi hành;

2. Kho bạc..... để thu tiền phạt;

3.

Quyết định này gồm..... trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu hồ sơ XPVPHC.

⁵ Ghi rõ lý do.

⁶ Ghi rõ tên, địa chỉ của Kho bạc.

⁷ Ngày ký Quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền xử phạt quyết định.



Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

....⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản
(Theo thủ tục đơn giản)

Căn cứ Điều 54 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Điều.....Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày.....tháng..... năm
của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;
Xét hành vi vi phạm hành chính do.....⁽²⁾.....thực
hiện;

Tôi:.....⁽³⁾.....chức vụ:.....
Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt tiền đối với:

Ông (bà)/tổ chức:....⁽⁴⁾.....Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Mức tiền phạt là:.....đồng.

(ghi bằng chữ.....)

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:

...⁽⁵⁾.....

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của Nghị định số...../2009/NĐ-CP ngày....tháng... năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Ghi họ tên người/đại diện tổ chức bị xử phạt.

³ Họ và tên người ra Quyết định xử phạt.

⁴ Nếu là tổ chức: ghi họ tên chức vụ người đại diện cho tổ chức bị xử phạt.

⁵ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

Địa điểm xảy ra vi phạm:

.....⁽⁶⁾.....

Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

.....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt là ngày.....tháng.....năm..... trừ trường hợp.....⁽⁷⁾.....

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức.....cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp ngay cho người ra Quyết định xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt hoặc nộp tại Kho bạc Nhà nước.....⁽⁸⁾.....trong vòng mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/tổ chức.....có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà)/tổ chức.....để chấp hành;
2. Kho bạcđể thu tiền phạt;
- 3.....

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu hồ sơ XPVPHC;

⁶ Ghi rõ địa điểm xảy ra hành vi vi phạm hành chính.

⁷ Ghi rõ lý do theo quy định tại khoản 5 Điều 57 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

⁸ Ghi rõ tên, địa chỉ Kho bạc.



Phụ lục VI

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-XPHC

.... ..⁽¹⁾., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản
bằng hình thức phạt cảnh cáo**

Căn cứ Điều 54 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số...../...../ND-CP ngày...tháng...năm của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Xét hành vi vi phạm hành chính do.....thực hiện;

Tôi:.....⁽²⁾.....chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt cảnh cáo đối với:

Ông (bà)/tổ chức:.....⁽³⁾.....Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:

.....

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của Nghị định số.... /2009/ND-CP ngày...tháng... năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

.....

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Họ tên người ra quyết định.

³ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Ông (bà)/tổ chức..... phải nghiêm
chính chấp hành Quyết định này.

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu hồ sơ XPVPHC.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) ⁴

⁴ Người ra quyết định xử phạt VPHC không được sử dụng con dấu thì quyết định phải được đóng dấu treo.



Phụ lục VII

*Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 3 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-KPHQ

.....⁽¹⁾, ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Buộc khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra
trong trường hợp không áp dụng xử phạt trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều...⁽²⁾ ...Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số...../...../ND-CP ngày..... tháng.....nămcủa
Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số.../BB-VPHC do..... lập
hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....;

Để khắc phục triệt để hậu quả do vi phạm hành chính gây ra,

Tôi:.....⁽³⁾..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính đối
với:**

Ông (bà)/tổ chức:....⁽⁴⁾.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:.....

Số CMND/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD

.....;

Cấp ngày..... tại.....;

Do đã có hành vi vi phạm hành chính:

.....⁽⁵⁾.....

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Trong trường hợp hết thời hiệu xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 10, trong trường hợp hết thời hạn ra Quyết định xử phạt thì ghi căn cứ vào Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

³ Họ tên người ra Quyết định xử phạt.

⁴ Nếu là tổ chức ghi tên của tổ chức vi phạm.

⁵ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi.

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....của Nghị định số.../2009/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vụ vi phạm:

.....

.....

Lý do không áp dụng hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung:

.....(6).....

.....

Biện pháp để khắc phục hậu quả bao gồm:

1.
2.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức.....phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao Quyết định là ngày.....tháng.....năm.....

Quá thời hạn này, nếu Ông (bà)/tổ chức.....có tình không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

Ông (bà)/tổ chức:.....có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm.....(7).....

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Trong thời hạn ba ngày, Quyết định này được gửi cho:

1. Ông(bà)/tổ chức:.....để chấp hành;
- 2.....;
- 3.....

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu hồ sơ XPVPHC

⁶ Ghi rõ lý do không áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính.

⁷ Ngày ký quyết định hoặc ngày do người có thẩm quyền quyết định.



Phụ lục VIII

*Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-CC

...(1)..., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều 66 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định
thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản
số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

Tôi:.....(2).....Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Đối với:

Ông (bà)/tổ chức:...(3).....;

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....;

Địa chỉ:

Số CMND/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD.....;

Cấp ngày.....tại.....

Biện pháp cưỡng chế:.....(4).....

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức:.....phải nghiêm chỉnh thực hiện Quyết
định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Ghi họ tên, chức vụ người lập biên bản.

³ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁴ Ghi cụ thể biện pháp cưỡng chế, số tiền cưỡng chế, hoặc các biện pháp khác phục phải thực hiện.

Quyết định có.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Quyết định này được giao cho Ông (bà)/tổ chức.....để thực hiện.

Quyết định này được gửi cho:

1.....để.....⁽⁵⁾.....

2.....để.....⁽⁶⁾.....

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu hồ sơ XPVPHC.

Người ra quyết định

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁵ Nếu biện pháp cưỡng chế là khấu trừ lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng thì quyết định được gửi cho cơ quan, tổ chức nơi cá nhân làm việc hoặc ngân hàng để phối hợp thực hiện.

⁶ Nếu biện pháp cưỡng chế là kê biên tài sản hoặc các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh, buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện, hoặc buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người và vật nuôi thì quyết định được gửi cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.



Phụ lục IX

Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
(ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TG-TVPT ...⁽¹⁾..., ngày.....tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Tạm giữ giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều 45, Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều.....Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ...tháng ... năm của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Để.....⁽²⁾.....

Tôi:.....⁽³⁾.....chức vụ:.....

Đơn vị :.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ: tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

Ông (bà)/tổ chức:.....⁽⁴⁾.....Nghề nghiệp.....

Địa chỉ:

Số CMND:Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:.....⁽⁵⁾.....

Quy định tại điểm.....khoản.....Điều.....Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày...tháng ... năm 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập biên bản (kèm theo Quyết định này).

¹ Ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

² Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc ngăn chặn ngay vi phạm hành chính. Nếu người tạm giữ không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, thì phải ghi rõ thêm căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

³ Họ tên người ra Quyết định.

⁴ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

⁵ Nếu có nhiều hành vi thì ghi cụ thể từng hành vi vi phạm.

Điều 2. Quyết định này được gửi cho:

1. Ông(bà)/tổ chức:.....⁶ để
chấp hành;

2.....⁶.....

Quyết định này gồm.....trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

Ý kiến của Thủ trưởng người ra Quyết định⁷

Người ra quyết định
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Trường hợp người Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không phải là người có thẩm quyền quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định này phải được gửi để báo cáo cho Thủ trưởng của người ra Quyết định tạm giữ.

⁷ Thủ trưởng của người ra quyết định tạm giữ (người tạm giữ không có thẩm quyền theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính) có ý kiến về việc tạm giữ, đồng ý hoặc không đồng ý.



Phụ lục X

*Biên bản kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 3 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ*

.....(1)
.....(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-CHS

.....(3)....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính
trong lĩnh vực thủy sản cho cơ quan tiến hành tố tụng**

Căn cứ Điều 62 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số/BB-VPHC ngày ...
tháng ... năm

- Xét thấy hành vi vi phạm hành chính có dấu hiệu tội phạm được quy định tại
Điều Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam.

Tôi: Chức vụ

Đơn vị công tác

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản cho cơ quan
tiến hành tố tụng hình sự: (4)

..... để xem xét, giải quyết.

Hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm gồm (5)
..... (có biên bản bàn giao kèm theo)

Điều 2. Giao cho ông (bà).....

Chức vụ.....

Đơn vị công tác

Có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu và tang vật phương tiện vi
phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) có
tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu

(1) Tên cơ quan chủ quản.
(2) Tên cơ quan ban hành Quyết định.
(3) Địa danh hành chính cấp tỉnh.
(4) Ghi tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.
(5) Ghi rõ các hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện vi phạm. Hoặc ghi: "Như biên bản bàn giao kèm theo".



Phụ lục XI

*theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 3 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

.....¹.....
.....².....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HXPHC

.....³....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Hoãn xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ Điều 65 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngàytháng năm của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XPFC lập ngày tháng năm về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản số:

Căn cứ đơn đề nghị của ông (bà) đã được Ủy ban nhân dân xã huyện tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) xác nhận.

Tôi: Chức vụ

Đơn vị công tác

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoãn chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản số/QĐ-XPFC lập ngày tháng năm đối với:

- Ông (bà) Dân tộc (Quốc tịch)
- Nghề nghiệp
- Địa chỉ
- Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số Ngày cấp Nơi cấp

Thời hạn được hoãn là: ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Ông (bà) được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ (như biên bản bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực thủy sản kèm theo quyết định này).

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Tên cơ quan ban hành Quyết định.

³ Địa danh hành chính cung cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Quá thời hạn được hoãn nêu tại Điều 1, nếu ông (bà) cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành. Mọi phí tổn cho việc tổ chức cưỡng chế do ông (bà) chịu.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà) để chấp hành.
2. Ủy ban nhân dân xã.....
3.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục XII

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)*

.....¹
.....²

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BB-NP-MNP

.....³, ngày tháng năm

BIÊN BẢN

Niêm phong/mở niêm phong tang vật tạm giữ

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm ... tại

Chúng tôi gồm: ⁴

1..... Chức vụ

2..... Chức vụ.....

Đại diện tổ chức/cá nhân là chủ sở hữu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

Ông (bà)/tổ chức:

Nghề nghiệp

Địa chỉ:

Số CMND hoặc Hộ chiếu: ngày cấp nơi cấp.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Số CMND hoặc Hộ chiếu: ngày cấp nơi cấp

2. Ông (bà)

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Số CMND hoặc Hộ chiếu: ngày cấp nơi cấp

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong số tang vật, phương tiện tạm giữ theo Quyết định số ngày tháng năm của⁵

Chức vụ:

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Tên cơ quan lập biên bản.

³ Địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁴ Ghi rõ tên, chức vụ người lập biên bản.

⁵ Nếu là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức vi phạm.

Số tang vật niêm phong (mở niêm phong) gồm:

.....

Số tang vật trên đã giao cho Ông (bà) thuộc đơn vị
 chịu trách nhiệm coi giữ và bảo quản.

Biên bản kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm

Biên bản được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau. Đã giao cho chủ
 sở hữu tang vật, phương tiện 01 bản; người bảo quản 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý
 kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có): ⁶

CHỦ SỞ HỮU (SỬ DỤNG)
TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI NIÊM PHONG/
 MỞ NIÊM PHONG**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI BẢO QUẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.



Phụ lục XIII

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....¹.....
.....².....
Số:/BB-TH-TVPT

.....³....., ngày tháng năm

**BIÊN BẢN
Tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm
hành chính trong lĩnh vực thủy sản**

Căn cứ khoản 2, Điều 61 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số QĐ/XPVP ngày tháng năm

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Tại:

Hội đồng tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

1. Ông (bà) Chức danh

Đại diện đơn vị

2. Ông (bà) Chức danh

Đại diện đơn vị

3. Ông (bà) Chức danh

Đại diện đơn vị

4. Ông (bà) Chức danh

Đại diện đơn vị

5. Ông (bà) Chức danh

Đại diện đơn vị

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Tên cơ quan lập biên bản.

³ Địa danh hành chính cấp tỉnh.

Tiến hành tiêu hủy các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sau đây:

TT	Tên tang vật, phương tiện	ĐV tính	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Hình thức tiêu hủy:

Quá trình tiêu hủy có sự chứng kiến của:⁴

Việc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính kết thúc vào hồi giờ ngày tháng..... năm

Biên bản này được lập thành bản, cơ quan giải quyết giữ 01 bản.

Những người ký tên dưới đây đã được nghe đọc lại và nhất trí với toàn bộ nội dung biên bản.

Biên bản này gồm trang, được người làm chứng và các thành viên Hội đồng ký xác nhận vào từng trang.

Người làm chứng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Các thành viên hội đồng
5

⁴ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người làm chứng. Nếu có đại diện của chính quyền phải ghi rõ họ tên, chức vụ.

⁵ Từng thành viên hội đồng ký và ghi rõ họ tên.



Phụ lục XIV

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ)

.....¹
.....²

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BB-BGTVPT

.....³....., ngày ... tháng ... năm

BIÊN BẢN

**Bàn giao hoặc trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản**

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tháng năm.....

Tại:

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao tang vật, phương tiện vi phạm: ⁴

- Ông (bà) Chức danh

- Thuộc đơn vị

Đại diện bên nhận tang vật, phương tiện vi phạm: ⁵

- Ông (bà) Quốc tịch Nghề nghiệp

- Số CMND hoặc Hộ chiếu số Ngày cấp Nơi cấp.....

- Địa chỉ:

Tiến hành lập biên bản bàn giao hoặc trả lại các tang vật, phương tiện vi phạm gồm:

TT	Tên giấy tờ, tang vật, phương tiện	ĐV tính	Số lượng	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện	Ghi chú

Cộng khoản

Các ý kiến của bên nhận:

¹ Tên cơ quan chủ quản.

² Tên cơ quan lập biên bản.

³ Địa danh hành chính cấp tỉnh.

⁴ Ghi rõ họ tên, chức vụ người đại diện bên giao.

⁵ Ghi rõ họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp người nhận; Nếu bên nhận là tổ chức thì ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Hai bên đã giao nhận đầy đủ tang vật, phương tiện vi phạm nói trên. Việc giao nhận kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, những người ký tên dưới đây đã được nghe đọc lại và nhất trí với toàn bộ nội dung biên bản.

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....⁶

Biên bản này gồm trang, được Đại diện bên nhận và Đại diện bên giao ký xác nhận vào từng trang.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Những người có ý kiến khác về nội dung biên bản phải tự ghi ý kiến của mình, lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.